

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /5/2025
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Giai đoạn 1:

+ Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy định hình 1.

+ Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy định hình 2.

- Giai đoạn 2:

+ Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi sinh khối tầng sôi công suất 10 tấn/h.

+ Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi sinh khối tầng sôi công suất 20 tấn/h.

+ Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ máy định hình 3.

+ Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ máy định hình 4.

+ Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ máy định hình 5.

+ Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ máy định hình 6.

+ Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ máy định hình 7.

+ Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ máy định hình 8.

2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả thải

2.1. Dòng khí thải

03 dòng khí thải, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01, 02): Hệ thống xử lý khí thải của 02 máy định hình 1, 2.

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 03, 04): Hệ thống xử lý của lò hơi sinh khối tầng sôi công suất 10 tấn/h và 20 tấn/h.

- Dòng khí thải số 03 (tương ứng với nguồn số 05, 06, 07, 08, 09, 10): Hệ thống xử lý khí thải của 06 máy định hình 3, 4, 5, 6, 7, 8.

2.2. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tọa độ X(m) = 2210427; Y(m) = 570517.

- Dòng khí thải số 02: Tọa độ X(m) = 2210307; Y(m) = 570300.

- Dòng khí thải số 03: Tọa độ X(m) = 2210313; Y(m) = 570334.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 117.000 m³/h, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 6.750 m³/h.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 90.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 20.250 m³/h.

2.3. Phương thức xả khí thải

Cường bức bằng quạt hút, xả gián đoạn trong ngày không theo chu kỳ.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải bụi và các khí vô cơ với giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi phát thải ra môi trường không khí $C_{\max} = C_x K_p \times K_v$, áp dụng hệ số $K_p = 0,8$; $K_v = 1$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ, cụ thể:

a) Đối với dòng khí thải số 01, 03

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm			Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009 /BTNMT (cột B)		QCVN 20:2009 /BTNMT		
			C	C _{max}			
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-	06 tháng/ lần (02 lần/năm) theo đề xuất của Chủ dự án	Không thuộc đối tượng lắp đặt
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	160	-		
3	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	6	-		
4	Cl ₂	mg/Nm ³	10	8	-		
5	Metylcyclohecxan		-	-	2.000		

b) Đối với dòng khí thải số 02

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT (B) (áp dụng hệ số $K_p = 0,8$; $K_v = 1$)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			C	C _{max}		
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	06 tháng/lần (02 lần/năm)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	160		
3	CO	mg/Nm ³	1000	800		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	500		
5	NO _x	mg/Nm ³	850	850		

Khi có sự thay đổi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn 1: Khí thải phát sinh từ 02 máy định hình 1, 2 được thu gom bằng đường ống về 01 hệ thống để xử lý.

- Giai đoạn 2:

+ Khí thải phát sinh từ 06 máy định hình 3, 4, 5, 6, 7, 8 được thu gom bằng đường ống về 01 hệ thống để xử lý.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi 10 tấn/h và 20 tấn/h được thu gom xử riêng từng hệ thống sau đó đầu nối chung vào 01 ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* Giai đoạn 1

- Quy trình xử lý của hệ thống xử lý hơi mùi khí thải từ máy định hình: Khí thải từ máy định hình → Chụp hút → Đường ống thu gom → Tháp hấp thụ than hoạt tính → Quạt hút công suất 6.750 m³/h → Ống khói cao 18 m (so với mặt đất) → Môi trường (khí sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Hóa chất sử dụng: Than hoạt tính khoảng 403 kg/năm.

* Giai đoạn 2

- Quy trình xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải của 02 lò hơi: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi → Bộ hâm nước → Sấy không khí → Lọc bụi cyclon chùm → Lọc bụi nước → Quạt hút → Ống phóng không cao 21 m so với mặt đất (khí thải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)).

Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOH khoảng 100 kg/năm.

- Quy trình xử lý của hệ thống xử lý hơi mùi khí thải từ máy định hình giai đoạn 2: Khí thải từ máy định hình → Chụp hút → Đường ống thu gom → Tháp hấp thụ than hoạt tính → Quạt hút công suất 20.250 m³/h → Ống khói cao 23 m (so với mặt đất) → Môi trường (khí sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT).

Hóa chất sử dụng: Than hoạt tính 1.478 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Điểm a Khoản 2

Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Chủ dự án phải kiểm tra xác định nguyên nhân để sửa chữa. Nếu lỗi nhỏ có thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn thì hoạt động sản xuất tại khu vực đó vẫn tiếp tục diễn ra bình thường; trường hợp cần có thời gian dài để sửa chữa, Chủ dự án dừng sản xuất tại khu vực đó và tiến hành sửa chữa, sau khi sửa xong mới tiếp tục sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến giai đoạn 1 từ Quý II/2026; giai đoạn 2 từ Quý III/2028).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- 01 hệ thống xử lý khí thải của 02 máy định hình giai đoạn 1.
- 01 hệ thống xử lý khí thải của 06 máy định hình giai đoạn 2.
- 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 10 tấn/h, 20 tấn/h giai đoạn 2.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

03 mẫu, trong đó:

- 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- 02 mẫu tại 02 lỗ kỹ thuật sau hệ thống xử lý khí thải máy định hình

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.4 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong giai đoạn hoạt động ổn định
 - + Giai đoạn 1: Ít nhất 01 ngày/lần tại 01 lỗ kỹ thuật trên thân ống khói của hệ thống xử lý khí thải 02 máy định hình 1, 2 trong 03 ngày liên tiếp.
 - + Giai đoạn 2: Ít nhất 01 ngày/lần tại 02 lỗ kỹ thuật trên thân 02 ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi và hệ thống xử lý khí thải 06 máy định hình 3, 4, 5, 6, 7, 8 trong 03 ngày liên tiếp.

(Quy định tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp, UBND huyện Nghĩa Hưng trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.4 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, hơi mùi, khí thải.

- Theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành đầy đủ các thông tin trong quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

- Chủ dự án nghiên cứu QCVN 19:2024/BTNMT (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025) để đầu tư hệ thống xử lý khí thải đảm bảo thu gom, xử lý khí thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải, thông số không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.4 phần A Phụ lục này, Chủ dự án phải dừng ngay việc xả thải bụi, hơi mùi, khí thải, thực hiện các biện pháp khắc phục và kịp thời báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý các KCN, UBND huyện Nghĩa Hưng để kịp thời xử lý./.